

THÔNG BÁO

Tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài năm 2026

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt;

Căn cứ Đề án tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 đã được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường (địa chỉ: <https://cteqa.hpu2.edu.vn/danh-gia-nang-luc-tieng-viet/>) và đã gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Quản lý chất lượng) theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 09/2026/TT-BGDĐT.

Trường ĐHSP Hà Nội 2 thông báo kế hoạch tổ chức đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài năm 2026 như sau:

1. Đối tượng dự thi:

Các cá nhân có nhu cầu được đánh giá năng lực tiếng Việt và cấp chứng chỉ tiếng Việt:

a) Có hồ sơ đăng kí dự thi hợp lệ; đóng đầy đủ lệ phí thi, lệ phí cấp chứng chỉ theo quy định;

b) Không thuộc đối tượng đang trong thời gian bị cấm dự thi theo Quy chế về tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 ban hành (theo Tiêu chí 2.1 và Tiêu chí 2.3, Phụ lục I Thông tư số 09/2026/TT-BGDĐT), bao gồm các hành vi: để người khác thi thay hoặc làm bài thay cho người khác dưới mọi hình thức; có hành động gây rối, phá hoại kỳ thi; hành hung người tổ chức thi hoặc thí sinh khác.

2. Lịch thi và thời hạn đăng kí dự thi:

TT	Lịch thi	Thời hạn nộp hồ sơ và lệ phí thi	Ghi chú
1	08/8/2026	10/7/2026 – 20/7/2026	15/8/2026 là ngày thi dự phòng

- Nhà trường không tổ chức thi Đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt nếu số lượng đăng kí dự thi dưới 25 thí sinh/kì thi.

- Ngày thi dự phòng được sử dụng trong trường hợp phát sinh từ ngày thi chính.

3. Thời gian và địa điểm thi:

- Buổi sáng: thi bài thi kỹ năng Nghe, Đọc, Viết từ 8:00 đến 11:00, thí sinh phải có mặt tại địa điểm thi trước 7h15.

- Buổi chiều: thi bài thi kỹ năng Nói từ 13:30.

- Địa điểm thi: Tầng 4, Nhà A4 - Trường ĐHSP Hà Nội 2, số 32, đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hoà, tỉnh Phú Thọ.

4. Lệ phí dự thi

a) Đối với thí sinh không học tập tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2: 2.600.000 VNĐ.

b) Đối với thí sinh học tập tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 từ 60 giờ trở lên trong 06 tháng trước ngày thi: 2.000.000 VNĐ.

5. Hồ sơ đăng ký dự thi

- 02 ảnh cỡ 4x6 (cm) được chụp không quá 06 tháng trước ngày đăng kí dự thi, mặt sau của ảnh ghi rõ họ và tên, ngày sinh;

- Bản sao hộ chiếu còn hiệu lực;

- Phiếu đăng kí dự thi (gồm thông tin về họ và tên, ngày sinh, quốc tịch, số và ngày cấp hộ chiếu, thời gian, địa điểm đăng kí dự thi và các thông tin cần thiết khác);

- 01 bản photo minh chứng học viên học tập tại Nhà trường từ 60 giờ trở lên trong 06 tháng trước ngày thi (nếu có).

** Ghi chú: Thí sinh mang theo bản gốc giấy tờ tùy thân và minh chứng học viên để đối chiếu khi nộp hồ sơ dự thi.*

6. Nộp hồ sơ và lệ phí thi

- Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng KHCN&HTQT, phòng 404, nhà A1, Trường ĐHSP Hà Nội 2, số 32, đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hoà, tỉnh Phú Thọ.

* Thời gian tiếp nhận hồ sơ và lệ phí thi trong tuần: từ thứ Hai đến thứ Sáu, buổi sáng từ 8:30 đến 11:30, buổi chiều: từ 14:00 đến 16:30.

7. Thông tin về kì thi

Thí sinh xem địa điểm thi, danh sách phòng thi, số báo danh và lịch thi tại Website: <https://cteqa.hpu2.edu.vn/danh-gia-nang-luc-tieng-viet/>.

Trên Website của kỳ thi, Nhà trường công khai đầy đủ các nội dung theo Tiêu chuẩn 6 Phụ lục I Thông tư số 09/2026/TT-BGDĐT, bao gồm:

- Định dạng đề thi, đề thi minh họa;

- Danh sách thí sinh vi phạm quy chế thi và bị cấm thi (nếu có);

- Quy định, quy trình tổ chức thi; lịch thi và địa điểm thi;

- Chức năng đăng ký dự thi trực tuyến và tra cứu kết quả thi;
- Chức năng tra cứu, xác minh kết quả thi/chứng chỉ để phục vụ các đơn vị sử dụng chứng chỉ, gồm các thông tin: họ và tên thí sinh, ngày sinh, số hộ chiếu, ảnh chụp thí sinh khi dự thi, ngày thi, kết quả thi, số hiệu chứng chỉ, bậc đạt được.

Lưu ý: khi đi thi, thí sinh phải mang giấy tờ tùy thân (bản gốc) còn hiệu lực. Thí sinh không được mang vào khu vực thi: điện thoại di động, các phương tiện thu phát sóng, các vật dụng thiết bị khác, kể cả đồng hồ đeo tay điện tử,... Thí sinh đến muộn sau thời điểm tính giờ làm bài 10 phút sẽ không được dự thi.

Nhà trường thực hiện rà soát vật dụng thí sinh mang vào phòng thi bằng công từ/máy quét cầm tay và giám sát toàn bộ quá trình thi bằng hệ thống camera tại phòng thi, phòng chấm thi và khu vực đặt máy chủ theo Tiêu chí 4.2 và Tiêu chí 4.4, Phụ lục I Thông tư số 09/2026/TT-BGDĐT.

8. Định dạng bài thi

8.1. Định dạng đề thi kỹ năng Nghe

- Phần 1: Thí sinh nghe các câu hỏi hoặc tình huống sau đó chọn đáp án đúng;
- Phần 2, 3, 4: Thí sinh nghe một đoạn hội thoại hoặc một đoạn văn bản sau đó chọn đáp án đúng.

Chú ý: với đề Nghe thí sinh chỉ được nghe một lần.

8.2. Định dạng đề thi kỹ năng Đọc

Đề gồm 40 câu, thí sinh đọc các đoạn trích sau đó chọn đáp án đúng.

8.3. Định dạng đề thi kỹ năng Viết

Đề thi kỹ năng Viết có 03 phần:

- Phần 1: Nghe và điền từ vào chỗ trống;
- Phần 2: Trả lời một bức thư;
- Phần 3: Viết một bài luận.

8.4. Định dạng đề thi kỹ năng Nói

Đề thi có 3 phần:

- Phần 1: Tương tác xã hội
- Phần 2: Thảo luận về giải pháp
- Phần 3: Nói theo chủ đề (Phát triển chủ đề)

Đề thi của mỗi lần thi được rút ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hóa của Nhà trường, bảo đảm mỗi thí sinh trong phòng thi có một mã đề thi

riêng và các thí sinh ngồi cạnh nhau không trùng nội dung, câu hỏi thi (theo Tiêu chí 7.2 và Tiêu chí 7.3, Phụ lục I Thông tư số 09/2026/TT-BGDĐT).

9. Kết quả thi

Thông báo tại Website: <https://cteqa.hpu2.edu.vn/danh-gia-nang-luc-tieng-viet/> tối đa sau 07 ngày làm việc kể từ ngày thi.

Điểm kỹ năng Nghe, Đọc, Viết, Nói và điểm kết luận được tính trên thang điểm 10, điểm lẻ đến 0,5.

Điểm kết luận được quy đổi theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài như sau:

Khung năng lực tiếng Việt	Điểm
Bậc 1	1.0 – 1.5
Bậc 2	2.0 – 3.5
Bậc 3	4.0 – 5.5
Bậc 4	6.0 – 7.0
Bậc 5	7.5 – 8.5
Bậc 6	9.0 – 10.0

Mô tả tổng quát:

Bậc	Mô tả tổng quát
Bậc 1	Hiểu, sử dụng được các cấu trúc ngôn ngữ quen thuộc; biết sử dụng các từ ngữ cơ bản đáp ứng được nhu cầu giao tiếp cụ thể; tự giới thiệu bản thân và người khác; trình bày được những thông tin về bản thân như: nơi sinh sống, người thân/bạn bè và những người khác. Có khả năng giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.
Bậc 2	Hiểu các câu và cấu trúc ngôn ngữ được sử dụng thường xuyên, liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản như: thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm. Có khả năng trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hàng ngày, mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

Bậc	Mô tả tổng quát
Bậc 3	Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về những chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí. Có khả năng xử lý được hầu hết các tình huống xảy ra khi đến nơi có sử dụng tiếng Việt; viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến những chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân mình quan tâm; mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, mong muốn và trình bày ngắn gọn được lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.
Bậc 4	Hiểu được ý chính của một văn bản tương đối phức tạp về các chủ đề khác nhau, kể cả những trao đổi có nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có khả năng giao tiếp trôi chảy, tự nhiên với người Việt; viết được những văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và nêu được quan điểm của mình về một vấn đề, chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
Bậc 5	Nhận biết và hiểu được hàm ý của những văn bản dài, có phạm vi nội dung rộng. Có khả năng diễn đạt trôi chảy, tức thì, không khó khăn khi tìm từ ngữ diễn đạt; sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích quan hệ xã hội, mục đích học thuật và chuyên môn; viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết trong văn bản.
Bậc 6	Dễ dàng hiểu hầu hết các văn bản nói và viết. Có khả năng tóm tắt được các nguồn thông tin nói hoặc viết, sắp xếp lại và trình bày lại một cách logic; diễn đạt rất trôi chảy và chính xác, phân biệt được những khác biệt tinh tế về ý nghĩa trong các tình huống phức tạp.

Lưu ý:

- Không xét quy đổi theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài nếu thí sinh có 1 trong 4 kỹ năng đạt điểm dưới 1.

- Thí sinh chỉ được quy đổi tối đa là Bậc 2 theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài nếu 1 trong 4 kỹ năng đạt điểm dưới 3,5.

10. Phúc khảo bài thi

- Sau khi công bố kết quả thi trên Website, trong thời hạn 07 ngày làm việc, thí sinh có nhu cầu phúc khảo phải gửi đơn đề nghị phúc khảo bài thi, lệ phí phúc khảo là 120.000đ/kĩ năng (Nghe/Đọc/Nói/Viết) tại Phòng KHCN&HTQT, phòng 404, nhà A1, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

- Kết quả phúc khảo được công bố chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày đầu tiên nhận đơn phúc khảo.

11. Chứng chỉ

- Chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài. Thí sinh xuất trình hộ chiếu khi nhận chứng chỉ.


- Thí sinh nhận chứng chỉ tại Phòng KHCN&HTQT, phòng 404, nhà A1, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Chứng chỉ tiếng Việt do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 cấp cho thí sinh đạt yêu cầu là chứng chỉ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 09/2026/TT-BGDĐT. Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ do cơ quan, đơn vị sử dụng chứng chỉ quyết định tùy theo mục đích, yêu cầu của từng công việc cụ thể.

Nhà trường thực hiện lưu trữ vĩnh viễn danh sách thí sinh dự thi, bảng điểm chi tiết, danh sách thí sinh được cấp chứng chỉ; lưu trữ dữ liệu bài thi, dữ liệu camera giám sát, hồ sơ coi thi, hồ sơ chấm thi theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 09/2026/TT-BGDĐT.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Các đơn vị có liên quan;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- TTTH (đưa lên trang Website);
- Lưu: TC-HC, KHCN&HTQT. 

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG 



Bùi Kiên Cường